

Số: 332/QĐ-ĐHTNH

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh thương mại Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 2336/2010/QĐ-TTg ngày 21/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2020/FBU-HĐTr-NQ ngày 20/4/2020;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 102/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 14/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội về việc ban hành “Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội”;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội về chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh thương mại của Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội”, bao gồm:

1. Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo
2. Bản mô tả chương trình đào tạo
3. Chương trình dạy học

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Trường các Khoa, Viện, Bộ môn, Phòng, Trung tâm chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- HDQT, BKS, BGH (để b/c);
- Như điều 2;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Ngọc Ánh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số **3.32**/QĐ-DHTNH ngày **04** tháng **11** năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội)

Tên chương trình: KINH DOANH THƯƠNG MẠI
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Kinh doanh thương mại
Mã số: 7340121
Loại hình đào tạo: Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kinh doanh thương mại theo định hướng ứng dụng có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về ngành kinh doanh thương mại, kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị và pháp luật; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng mềm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; thể hiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành kinh doanh thương mại, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

Mã hóa mục tiêu chung:

PGO1: Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về ngành kinh doanh thương mại, kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị và pháp luật.

PGO2: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng mềm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

PGO3: Thể hiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành kinh doanh thương mại, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo Ngành Kinh doanh thương mại trang bị cho sinh viên những năng lực cần thiết:

a. Kiến thức

PSO1.1: Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, pháp luật; có tư duy kinh tế, kinh doanh và quản lý một cách khoa học. Có kiến thức nền tảng về các lĩnh vực quản trị, kế toán, tài chính và các lĩnh vực khác để đảm nhận được đa dạng các vị trí công việc.

PSO1.2: Có kiến thức chuyên sâu về các tác nghiệp cụ thể của hoạt động kinh doanh thương mại trong nước và quốc tế.

b. Kỹ năng

PSO2.1: Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin, tiếng Anh trong học tập và công việc.

PSO2.2: Kỹ năng giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm và cá nhân hiệu quả; kỹ năng diễn đạt bằng văn bản và thuyết trình, thuyết phục, có tư duy phản biện, phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề liên quan đến kinh doanh thương mại.

c. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PSO3.1: Có năng lực quản lý, điều hành tổ chức về lĩnh vực kinh doanh thương mại.

PSO3.2: Thể hiện ý thức kỷ luật, thái độ làm việc chuyên nghiệp, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, thượng tôn pháp luật, có ý thức phục vụ cộng đồng, có năng lực tự học, nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong thời kỳ mới.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Kinh doanh thương mại

CĐR	NỘI DUNG	BẬC NĂNG LỰC
<i>Về kiến thức</i>		
PLO1.1	Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị và pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội khác.	3
PLO1.2	Sử dụng được các kiến thức cơ sở ngành về quản trị kinh doanh, tài chính, kế toán và các ngành khác để giải thích được các tình huống thực tế.	3
PLO1.3	Áp dụng linh hoạt kiến thức chuyên ngành liên quan đến thương mại, marketing để giải quyết được các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp.	3
PLO1.4	Vận hành được các hoạt động tác nghiệp của kinh doanh thương mại trong nước và quốc tế.	3
PLO1.5	Phát hiện được các nhân tố ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến hoạt động kinh doanh thương mại.	3
<i>Về kỹ năng</i>		
PLO2.1	Ứng dụng được công nghệ thông tin và các công cụ hiện đại để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại.	3
PLO2.2	Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong môi trường toàn cầu hóa.	3
PLO2.3	Thực hiện giao tiếp, đàm phán, thuyết trình và làm việc nhóm hiệu quả, có kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại.	3
PLO2.4	Tổng hợp được các loại thông tin để ra quyết định.	3
PLO2.5	Thực hiện được các kế hoạch công việc, có khả năng đánh giá,	3

	cải tiến hoạt động chuyên môn.	
Về năng lực tự chủ, trách nhiệm		
PLO3.1	Làm việc độc lập, khoa học, có tư duy hệ thống trong việc giải quyết các vấn đề; có tinh thần học tập suốt đời và thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh tế - xã hội.	3
PLO3.2	Có ý thức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, thượng tôn pháp luật; có sức khỏe, có khả năng tìm kiếm việc làm cho bản thân và cho người khác.	3

2.2. Các chỉ số đánh giá (PIs) của các CĐR Chương trình đào tạo

STT	PLOs	PIs	Mô tả
1	PLO1.1: Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị và pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội khác.	PI1.1.1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lý luận, chính trị, pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề trong các hoạt động của tổ chức.
		PI1.1.2	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề trong các hoạt động của tổ chức.
		PI1.1.3	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế vào việc giải quyết các vấn đề trong các hoạt động của tổ chức.
2	PLO1.2: Sử dụng được các kiến thức cơ sở ngành về quản trị kinh doanh, tài chính, kế toán và các ngành khác để giải thích được các tình huống thực tế.	PI1.2.1	Nhận định được tác động của kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, kinh tế phát triển đến hoạt động của các tổ chức.
		PI1.2.2	Vận dụng được kiến thức nền quản trị kinh doanh, tài chính, kế toán, pháp luật và các ngành khác vào việc giải quyết các vấn đề có liên quan trong hoạt động của các tổ chức.
3	PLO1.3: Áp dụng linh hoạt kiến thức chuyên ngành liên quan đến thương mại, marketing để giải quyết được các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp.	PI1.3.1	Giải thích được các kiến thức chuyên ngành liên quan thương mại, marketing như: quản trị chiến lược, nhân lực, tài chính, thương hiệu.
		PI1.3.2	Vận dụng được kiến thức chuyên ngành liên quan đến thương mại, marketing để giải quyết được các tình huống, vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại.
4	PLO1.4: Vận hành được các hoạt động tác nghiệp của kinh doanh thương mại trong nước và quốc tế.	PI1.4.1	Nhận diện được các vấn đề cần giải quyết liên quan đến tác nghiệp về kinh doanh thương mại quốc tế và

STT	PLOs	PIs	Mô tả
			trong nước.
		PI1.4.2	Tổ chức triển khai được các hoạt động tác nghiệp về kinh doanh thương mại quốc tế và trong nước.
5	PLO1.5: Phát hiện được các nhân tố ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến hoạt động kinh doanh thương mại.	PI1.5.1	Nhận diện được các cơ hội, rủi ro của môi trường kinh doanh đến hoạt động kinh doanh thương mại.
		PI1.5.2	Phác họa được các giải pháp tận dụng cơ hội và giảm thiểu rủi ro của môi trường kinh doanh đến hoạt động kinh doanh thương mại.
6	PLO2.1: Ứng dụng được công nghệ thông tin và các công cụ hiện đại để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại.	PI2.1.1	Sử dụng được các thiết bị, công nghệ thông tin phục vụ cho công việc và học tập.
		PI2.1.2	Sử dụng được các công cụ hiện đại để giải quyết được các vấn đề đặt ra liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại.
7	PLO2.2: Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong môi trường toàn cầu hóa.	PI2.2.1	Thể hiện được kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh cơ bản.
		PI2.2.2	Thể hiện được được kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh chuyên ngành.
8	PLO2.3: Thực hiện giao tiếp, đàm phán, thuyết trình và làm việc nhóm hiệu quả, có kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại.	PI2.3.1	Thực hiện giao tiếp, đàm phán, thuyết trình hiệu quả trong hoạt động chuyên môn.
		PI2.3.2	Tích cực tham gia hoạt động nhóm, tổ chức, điều hành hoạt động nhóm hiệu quả, có tư duy phản biện và giải quyết được vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại.
9	PLO2.4: Tổng hợp được các loại thông tin để ra quyết định.	PI2.4.1	Tìm kiếm, thu thập được các loại thông tin liên quan đến vấn đề cần phải giải quyết.
		PI2.4.2	Xử lý, tổng hợp các loại thông tin để ra quyết định.
10	PLO2.5: Thực hiện được các kế hoạch công việc, có khả năng đánh giá, cải tiến hoạt động chuyên môn.	PI2.5.1	Xây dựng được lịch trình, kế hoạch công việc và học tập.
		PI2.5.2	Thực hiện được các hoạt động đánh giá và cải tiến hoạt động chuyên môn.

STT	PLOs	PIs	Mô tả
11	PLO3.1: Làm việc độc lập, khoa học, có tư duy hệ thống trong việc giải quyết các vấn đề; có tinh thần học tập suốt đời và thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh tế - xã hội.	PI3.1.1	Hình thành năng lực làm việc độc lập, khoa học, có tư duy hệ thống trong giải quyết vấn đề.
		PI3.1.2	Hình thành năng lực tự học, thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần đổi mới, cầu tiến.
12	PLO3.2: Có ý thức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, thượng tôn pháp luật; có sức khỏe, có khả năng tìm kiếm việc làm cho bản thân và cho người khác.	PI3.2.1	Thể hiện ý thức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và thượng tôn pháp luật.
		PI3.2.2	Có khả năng tìm kiếm việc làm cho bản thân và cho người khác.

3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng các yêu cầu làm việc tại các cơ quan nhà nước; các trường đại học, cao đẳng; các doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực:

- Làm nhà quản trị kinh doanh và chuyên viên kinh doanh trong các tổ chức và doanh nghiệp.
- Nhà quản trị marketing, Logistics kinh doanh trong các tổ chức và doanh nghiệp.
- Chuyên viên quản trị xúc tiến thương mại, quản trị kênh phân phối, quản trị thương hiệu trong các tổ chức và doanh nghiệp.
- Chuyên viên tư vấn về quản trị kinh doanh, kinh doanh thương mại, quản trị xúc tiến và quản trị thương hiệu trong các tổ chức và doanh nghiệp.
- Giảng viên Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Quản trị xúc tiến, Quản trị marketing, Quản trị Logistics kinh doanh, Quản trị kênh phân phối, Quản trị thương hiệu, Quản trị xúc tiến trong các trường Cao đẳng, Đại học.

4. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng:

- Tự học, tiếp cận với các kiến thức, công nghệ mới.
- Tham gia các khóa đào tạo chuyên đề cập nhật kiến thức, phục vụ chuyên môn.
- Tiếp tục học các bậc học sau đại học.

5. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thời gian đào tạo: 4 năm, học theo tiến độ phù hợp với Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Chương trình áp dụng theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

6. KHỐI LƯỢNG, CẤU TRÚC, NỘI DUNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

6.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: Số tín chỉ phải tích lũy 134

6.2. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng
1	Kiến thức giáo dục đại cương			43
1.1	Lý luận chính trị	13	0	13
1.2	Khoa học tự nhiên, tin học	9	0	9
1.3	Khoa học xã hội	0	2	2
1.4	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	8	0	8
1.5	Giáo dục thể chất và GDQP-An ninh	11	0	11
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			91
2.1	Cơ sở khối ngành	6	2	8
2.2	Cơ sở ngành	31	2	33
2.3	Kiến thức chuyên ngành	32	8	40
2.4	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
2.5	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6
	Tổng cộng			134

7. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Công dân Việt Nam và người nước ngoài có đủ điều kiện, có nguyện vọng được tuyển vào Trường theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định tuyển sinh của Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

8. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

8.1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ; Quy định thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần trong tổ chức đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

8.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Chương trình áp dụng theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tích lũy đủ 134 tín chỉ của các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương và khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp quy định trong Chương trình đào tạo đại học ngành Kinh doanh thương mại của Trường Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội.

- Đạt trung bình trở lên các chương trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục Thể chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (được cấp chứng chỉ tương ứng).

- Có trình độ tiếng Anh tương đương TOEIC 450 điểm trở lên.

9. THANG ĐIỂM

- Thang điểm số kết hợp với thang điểm chữ.

- Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, C, D, F.

10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã HP	NỘI DUNG CT ĐÀO TẠO	Số TC	GHI CHÚ
1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	43	
		* Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)	41	
1.1		Lý luận chính trị	13	
1	DCB.03.11	Triết học Mác-Lê nin (Philosophy of Marxism – Leninism)	3	
2	DCB.03.12	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin (political economics of Marxism – Leninism 2)	2	
3	DCB.03.13	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism)	2	
4	DCB.03.14	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
5	DCB.03.05	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	2	
6	DCB.03.06	Pháp luật đại cương (General law)	2	
1.2		Khoa học tự nhiên, tin học	9	
7	DCB.05.14	Toán cao cấp (Advanced mathematics)	3	
8	DCB.05.15	Lý thuyết xác suất và thống kê toán (Theory of probability and mathematical statistics)	2	
9	DCB.05.11	Tin học 1 (Information technology 1)	2	
10	DCB.05.12	Tin học 2 (Information technology 2)	2	
1.3		Ngoại ngữ	8	
11	DCB.04.06	Tiếng Anh 1 (English 1)	4	
12	DCB.04.07	Tiếng Anh 2 (English 2)	4	
1.4		Giáo dục thể chất (Physical Education) & Quốc phòng - An ninh (National Defense and security education)	11	
13		Giáo dục Thể chất (Physical education)	3	
	DCB.01.10	Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)	1	
	DCB.01.11	Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 2)	1	
	DCB.01.12	Giáo dục thể chất 3 (Physical Education 3)	1	
14		Giáo dục Quốc phòng - An ninh (National defense and security education)	8	
	DCB.01.01	Đường lối quân sự của Đảng cộng sản Việt Nam	3	
	DCB.01.02	Công tác quốc phòng, quân sự - an ninh	2	
	DCB.01.03	Quân sự chung và kỹ chiến thuật bộ binh	3	
		* Các học phần tự chọn	2	
15	DCB.02.11	Phương pháp nghiên cứu (Research Methods)	2	Chọn 1 trong 2 học phần
16	DCB.03.08	Xã hội học (Sociology)	2	
2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	91	
2.1		Kiến thức cơ sở khối ngành	8	

		* Các học phần bắt buộc	6	
17	DCB.02.04	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3	
18	DCB.02.03	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3	
		* Các học phần tự chọn	2	
19	DCB 02.01	Kinh tế phát triển (Development economics)	2	Chọn 1 trong 2 học phần
20	DCB 02.02	Kinh tế quốc tế (International economics)	2	
2.2		Kiến thức cơ sở ngành	33	
		* Các học phần bắt buộc	31	
21	DQK.02.09	Quản trị học (Management studies)	3	
22	DQK.01.06	Marketing căn bản (Essentials of marketing)	3	
23	DCB.02.06	Nguyên lý thống kê (Theory of statistics)	2	
24	DKT.01.32	Nguyên lý kế toán (Theory of Accounting)	3	
25	DTN.02.07	Lý thuyết tài chính – tiền tệ (Theory of finance and money)	3	
26	DQK.01.30	Hiệp định thương mại quốc tế (International trade Agreement)	2	
27	DCB.04.08	Tiếng Anh 3 (English 3)	4	
28	DTA.20.40	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (English for finance & banking - course 1)	4	
29	DTA.20.41	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (English for finance & banking - course 2)	4	
30	DLKT.38.49	Pháp luật thương mại (Commercial law)	3	
		* Các học phần tự chọn	2	
31	DQK.02.01	Hệ thống thông tin quản trị (Management information system)	2	Chọn 1 trong 2 học phần
32	DQK.01.10	Phân tích hoạt động kinh doanh (Business operation analysis)	2	
2.3		Kiến thức chuyên ngành	40	
		* Các học phần bắt buộc	32	
33	DQK.02.04	Quản trị chiến lược (Strategic management)	3	
34	DQK.02.33	Quản trị nguồn nhân lực (Human resources management)	3	
35	DTN.02.38	Quản trị tài chính doanh nghiệp (Management of Corporate finance)	2	
36	DQK.02.34	Quản trị thương mại điện tử (Managinge-commerce)	3	
37	DQK.01.02	Đàm phán thương mại (Trade negotiation)	2	
38	DQK.01.27	Quản trị chuỗi cung ứng (Supply chain management)	3	
39	DQK.01.26	Quản trị marketing kỹ thuật số (Digital marketing)	3	

		Management)		
40	DQK.02.49	Quản trị bán hàng (Sales management)	2	
41	DQK.01.16	Xúc tiến thương mại (Commerce Promotion)	2	
42	DQK.02.10	Quản trị kênh phân phối (Distribution channel management)	2	
43	DQK.02.17	Quản trị thương hiệu (Brand management)	2	
44	DQK.02.32	Quản trị Logistics kinh doanh (Business logistics management)	3	
45	DQK.01.25	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế (Operational management of international trade)	2	
		* Các học phần tự chọn	8	
46	DQK.01.17	Marketing dịch vụ (Service marketing)	2	Chọn 4 trong 10 học phần
47	DQK.01.28	Marketing quốc tế (International Marketing)	2	
48	DTN.01.09	Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương (International payment and trade finance)	2	
49	DQK.02.36	Quản trị quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management)	2	
50	DQK.02.11	Quản trị kinh doanh dịch vụ (Management of service business)	2	
51	DQK.01.11	Tâm lý kinh doanh (Business Psychology)	2	
52	DQK.02.46	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh (Corporate Culture and Business Ethics)	2	
53	DQK.02.51	Quản trị sản phẩm (Product Management)	2	
54	DQK.02.52	Quản trị giá (Price management)	2	
55	DQK.02.03	Quản trị chất lượng (Quality Management)	2	
2.4		Thực tập cuối khóa và Khóa luận tốt nghiệp	10	
56	DQK.01.18	Thực tập cuối khóa (Graduation practice)	4	
57	DQK.01.19	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation thesis)	6	
		Tổng cộng	134	

11. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (được chi tiết theo từng học kỳ)

TT	Mã HP	NỘI DUNG CT ĐÀO TẠO	Số TC	Điều kiện tiên quyết	Bố trí các học kỳ							
					Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4	
					1	2	3	4	5	6	7	8
1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	43									
		* Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)	41									
1.1		Lý luận chính trị	13									
1	DCB.03.11	Triết học Mác-Lê nin (Philosophy of Marxism – Leninism)	3		3							

2	DCB.03.12	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin (political economics of Marxism – Leninism 2)	2			2						
3	DCB.03.13	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism)	2			2						
4	DCB.03.14	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		2							
5	DCB.03.05	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	2		2							
6	DCB.03.06	Pháp luật đại cương (General law)	2		2							
1.2		Khoa học tự nhiên, tin học	9									
7	DCB.05.14	Toán cao cấp (Advanced mathematics)	3		3							
8	DCB.05.15	Lý thuyết xác suất và thống kê toán (Theory of probability and mathematical statistics)	2		2							
9	DCB.05.11	Tin học 1 (Information technology 1)	2			2						
10	DCB.05.12	Tin học 2 (Information technology 2)	2				2					
1.3		Ngoại ngữ	8									
11	DCB.04.06	Tiếng Anh 1 (English 1)	4		4							
12	DCB.04.07	Tiếng Anh 2 (English 2)	4			4						
1.4		Giáo dục thể chất (Physical Education) & Quốc phòng - An ninh (National Defense and security education)	11									
13		Giáo dục Thể chất (Physical education)	3									
	DCB.01.10	Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)	1		1							
	DCB.01.11	Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 2)	1		1							
	DCB.01.12	Giáo dục thể chất 3 (Physical Education 3)	1		1							
14		Giáo dục Quốc phòng - An ninh (National defense and security education)	8									
	DCB.01.01	Đường lối quân sự của Đảng cộng sản Việt Nam	3		3							
	DCB.01.02	Công tác quốc phòng, quân sự - an ninh	2		2							
	DCB.01.03	Quân sự chung và kỹ chiến thuật bộ binh	3		3							
		* Các học phần tự chọn	2									
15	DCB.02.11	Phương pháp nghiên cứu (Research Methods)	2		2							

54	DQK.02.52	Quản trị giá (Price management)	2										
55	DQK.02.03	Quản trị chất lượng (Quality Management)	2										
2.4		Thực tập cuối khóa và Khóa luận tốt nghiệp	10										
56	DQK.01.18	Thực tập cuối khóa (Graduation practice)	4	DQK.01.27 DQK.01.26 DQK.02.34									4
57	DQK.01.19	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation thesis)	6	DQK.01.19									6
		Tổng cộng	134		16	18	19	19	17	18	17	10	

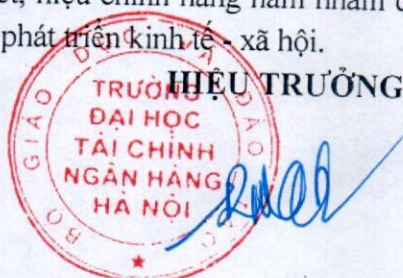
(Có đề cương chi tiết các học phần kèm theo)

12. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình tuân thủ chặt chẽ chương trình khung trình độ giáo dục đại học chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Chương trình áp dụng theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ; Quy định thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần trong tổ chức đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành theo các quyết định số 102/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 14/6/2021 và quyết định số 108/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

Chương trình này được định kỳ xem xét, hiệu chỉnh hàng năm nhằm đáp ứng sự phát triển của chuyên ngành, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.



PGS., TS. Phạm Ngọc Ánh